

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết thông báo công khai thực hiện dự toán thu - chi Ngân sách Nhà nước quý IV năm 2024 của Trường TH&THCS Nam Sơn

Thời gian: 15 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 01 năm 2025

Địa điểm: Trường TH&THCS Nam Sơn.

Thành phần:

1. Ông Nguyễn Văn Chung - Hiệu trưởng;
2. Ông Đoàn Danh Ba- PHT phụ trách cấp THCS; Chủ tịch công đoàn trường;
3. Ông Hoàng Văn Sinh- PHT phụ trách cấp Tiểu học;
4. Bà Hoàng Thị Thu – Kế toán, tổ trưởng tổ văn phòng.
5. Bà Hoàng Thị Hiền - Thư ký hội đồng trường;

Nội dung:

Tiến hành niêm yết tại bảng niêm yết ba công khai của Trường TH&THCS Nam Sơn và ghi biên bản về việc niêm yết công khai:

1. Thông báo công khai thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2024.

(Chi tiết: Số liệu kèm theo Phụ biểu F01-01/BCQT)

2. Thời gian niêm yết ít nhất là 90 ngày, kể từ ngày niêm yết 08/01/2025.

Bộ phận văn phòng tiếp thu ý kiến phản ánh của cán bộ, viên chức trong đơn vị theo đúng quy định kể từ ngày niêm yết 08/01/2025.

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 45 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



Hoàng Thị Hiền

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN



Đoàn Danh Ba

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chung

Số: 10/TB-TH&THCSNS

Nam Sơn, ngày 08 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2024 của Trường TH&THCS Nam Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 5188/QĐ - UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Ba Chẽ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Nghị quyết hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Ba Chẽ Quyết định về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ - UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ V/v cấp bổ sung ngân sách cho các trường học thuộc UBND huyện Ba Chẽ quản lý kinh phí hỗ trợ chênh lệch mức thu học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí năm học 2021-2022.

Căn cứ Quyết định số 4066/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 6360/QĐ-UBND ngày 25/9/20224 của UBND huyện Ba Chẽ Về việc phân bổ nguồn cải cách tiền lương năm 2024 cho cân đối chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND huyện Ba Chẽ V/v phê duyệt cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7088/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc điều chỉnh, hoàn trả kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7677/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc thu hồi kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25//2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024;

Quyết định số 7082/QĐ-UBND ngày 13/11/20224 của UBND huyện Ba Chẽ về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên nguồn tự chủ năm 2024 đã giao cho các đơn vị dự toán trường học thuộc huyện quản lý

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 6361/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc cấp bổ sung ngân sách hỗ trợ học phí kỳ I(tháng 9 đến tháng 12) năm học 2024-2025 cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 7573/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc cấp bổ sung ngân sách cho các trường học kinh phí đảm bảo hoạt động do được bổ sung biên chế, hợp đồng(Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP) trong năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7826/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Ba Chẽ về việc Bổ sung ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, địa phương kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi do điều chỉnh mức lương cơ sở, bổ sung biên chế công chức;

Căn cứ hồ sơ dự toán thu – chi NSN năm 2024, hồ sơ dự toán thu – chi NSNN năm 2024(bổ sung); Cắt giảm tiết kiệm, thu hồi, hoàn trả ngân sách và kết quả thực hiện chi NSNN Quý IV/2024 của Trường TH&THCS Nam Sơn;

Đơn vị công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2024 như sau:

1. Về số thu, phí, lệ phí:

1. Về số thu, phí, lệ phí:

1.1. Số học phí năm 2023 chuyển sang năm 2024: **66.168.472đ** đồng

- Chi Kinh phí chi trả các hoạt của nhà trường: **54.656.775đ**

- Tồn học phí: **11.511.697 đ** chuyển sang kỳ sau.

+ Thu học phí năm học 2023-2024(T9-12/2024 và T1-T5/2024):

33.810.000đ

=> Tổng tồn học phí từ quý II chuyển sang quý III: 45.321.697đ

1.2. Thu, chi quý III/2024:

+ Nhập tiền NS cấp bù học phí: HS được miễn, giảm; hỗ trợ học phí 05 tháng HK II (từ T01-T5/2024) NH 2023-2024 theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền: 3.500.000đ

+ Nhập tiền NSNN cấp hỗ trợ chênh lệch mức thu học phí năm học 2023-2024 so với mức thu học phí năm học 2021-2022(cứ Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ), số tiền: 79.205.000đ

Cộng tổng thu từ ngân sách cấp bù hỗ trợ: 82.705.000đ

- Chi mua Gói giải pháp VietSchool Điểm Danh(phần mềm điểm danh), số tiền: 6.750.000đ

- Số tiền tồn trong quý III/2024: 75.955.000đ

=> Tổng KP còn lại chuyển sang quý IV/2024: 45.321.697đ+ 75.955.000đ = 121.276.697đ

1.3. Thu, chi quý IV/2024:

+ Thu từ ngân sách cấp bù theo *Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh*; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng số tiền: 20.050.000đ

- Chi trả tiền lương, phụ cấp lương tháng 12/2024(Chi nguồn học phí, CCTL: mức chênh lệch 540.000đ từ 1.800.000đ lên 2.340.000đ): 19.868.963

=> Tổng kinh phí học phí còn tồn chuyển kỳ sau: 121.276.697đ

2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước: Đơn vị được cấp kinh phí đảm bảo chi hoạt động từ nguồn NSNN, không phát sinh từ nguồn vốn viện trợ hay nguồn vay nợ nước ngoài, tổng dự toán chi thực hiện quý IV năm 2024:

2.1. Chi ngân sách nhà nước:

- Nguồn kinh phí Tự chủ thực hiện chi quý IV năm 2024 là: **4.590.154.638đồng**, trong đó:

+Chi thanh toán cá nhân: 3.518.361.855 đồng.

+Chi hoạt động, nghiệp vụ chuyên môn: 801.178.754 đồng.

+Chi mua sắm, sửa chữa tài sản: 93.182.000 đồng.

+Chi khác: 17.7432.029đồng.

- Nguồn kinh phí không tự chủ đã thực hiện chi quý IV năm 2024 là **1.944.617.913** đồng, trong đó:

- +Chi thanh toán cá nhân: 1.136.687.507 đồng.
- +Chi hoạt động, nghiệp vụ chuyên môn: 573.763.406 đồng.
- +Chi mua sắm, sửa chữa tài sản: 111.157.000 đồng.
- +Chi khác: 123.010.000 đồng.

(Chi tiết: Số liệu kèm theo Phụ biểu F01-01/BCQT)

Hình thức công khai: Thực hiện công khai niêm yết tại cơ quan.

Nơi nhận:

- BGH (B/c);
- Niêm yết tại bảng công khai;
- Lưu KT.



Nguyễn Văn Chung

Đơn vị: Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học
và Trung học cơ sở Nam Sơn
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ba Chẽ, ngày 08 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý IV năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý IV năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán quý IV năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm 2024) này so với cùng kỳ quý IV năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.621.809.000	6.534.772.551	35%	155%
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.621.809.000	6.534.772.551	35%	155%
1	Chi quản lý hành chính	18.621.809.000	6.534.772.551	35%	155%
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.528.059.000	4.590.154.638	30%	132%
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.093.750.000	1.944.617.913	63%	264%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Đơn vị: Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học
và Trung học cơ sở Nam Sơn
Chương: 622

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý IV năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán quý IV năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV năm 2024) này so với cùng kỳ quý IV năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.621.809.000	9.909.427.650	53%	235%
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.528.059.000	7.191.299.574	46%	206%
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.093.750.000	2.718.128.076	88%	354%

Ngày 08 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Văn Chung

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Phụ biểu F01-01/BCQT

(Ban hành theo Thông tư số: 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Quý IV năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.590.154.638	4.590.154.638				
		6000		Tiền lương	1.554.412.924	1.554.412.924				
			6001	Lương theo ngạch, bậc	1.554.412.924	1.554.412.924				
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	202.108.140	202.108.140				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	202.108.140	202.108.140				
		6100		Phụ cấp lương	1.230.126.109	1.230.126.109				
			6101	Phụ cấp chức vụ	23.845.050	23.845.050				
			6102	Phụ cấp khu vực	155.736.000	155.736.000				
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	25.227.423	25.227.423				
			6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.296.000	1.296.000				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	708.141.972	708.141.972				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.520.000	2.520.000				
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	313.359.664	313.359.664				
		6250		Phúc lợi tập thể	35.500.000	35.500.000				
			6299	Chi khác	35.500.000	35.500.000				
		6300		Các khoản đóng góp	474.242.082	474.242.082				
			6301	Bảo hiểm xã hội	353.155.807	353.155.807				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6302	Bảo hiểm y tế	60.540.993	60.540.993				
			6303	Kinh phí công đoàn	40.364.950	40.364.950				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	20.180.332	20.180.332				
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	21.972.600	21.972.600				
			6449	Chi khác	21.972.600	21.972.600				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	14.463.028	14.463.028				
			6501	Tiền điện	14.463.028	14.463.028				
		6550		Vật tư văn phòng	260.026.092	260.026.092				
			6551	Văn phòng phẩm	10.933.000	10.933.000				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	113.015.092	113.015.092				
			6553	Khoán văn phòng phẩm	19.850.000	19.850.000				
			6599	Vật tư văn phòng khác	116.228.000	116.228.000				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.916.234	10.916.234				
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2.029.717	2.029.717				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	6.477.217	6.477.217				
			6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	2.409.300	2.409.300				
		6650		Hội nghị	2.760.000	2.760.000				
			6699	Chi phí khác	2.760.000	2.760.000				
		6700		Công tác phí	41.064.000	41.064.000				
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	9.364.000	9.364.000				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6702	Phụ cấp công tác phí	15.800.000	15.800.000				
			6703	Tiền thuê phòng ngủ	12.900.000	12.900.000				
			6704	Khoản công tác phí	3.000.000	3.000.000				
		6750		Chi phí thuê mướn	11.600.000	11.600.000				
			6757	Thuê lao động trong nước	8.000.000	8.000.000				
			6799	Chi phí thuê mướn khác	3.600.000	3.600.000				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	43.307.000	43.307.000				
			6907	Nhà cửa	3.080.000	3.080.000				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	16.555.000	16.555.000				
			6921	Đường điện, cấp thoát nước	3.530.000	3.530.000				
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	20.142.000	20.142.000				
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	49.875.000	49.875.000				
			6999	Tài sản và thiết bị khác	49.875.000	49.875.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	460.349.400	460.349.400				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	77.085.400	77.085.400				
			7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	7.400.000	7.400.000				
			7049	Chi khác	375.864.000	375.864.000				
		7750		Chi khác	177.432.029	177.432.029				
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	3.228.100	3.228.100				
			7761	Chi tiếp khách	3.000.000	3.000.000				
			7799	Chi các khoản khác	171.203.929	171.203.929				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.944.617.913	1.944.617.913				
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	37.476.270	37.476.270				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	37.476.270	37.476.270				
		6100		Phụ cấp lương	155.588.764	155.588.764				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	106.988.764	106.988.764				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	48.600.000	48.600.000				
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	339.975.409	339.975.409				
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	339.975.409	339.975.409				
		6300		Các khoản đóng góp	5.147.064	5.147.064				
			6301	Bảo hiểm xã hội	3.832.920	3.832.920				
			6302	Bảo hiểm y tế	657.072	657.072				
			6303	Kinh phí công đoàn	438.048	438.048				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	219.024	219.024				
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	598.500.000	598.500.000				
			6449	Chi khác	598.500.000	598.500.000				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	38.685.606	38.685.606				
			6501	Tiền điện	38.685.606	38.685.606				
		6550		Vật tư văn phòng	58.051.800	58.051.800				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	35.205.000	35.205.000				
			6553	Khoán văn phòng phẩm	300.000	300.000				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6599	Vật tư văn phòng khác	22.546.800	22.546.800				
		6750		Chi phí thuê mướn	144.470.000	144.470.000				
			6751	Thuê phương tiện vận chuyển	14.000.000	14.000.000				
			6757	Thuê lao động trong nước	93.870.000	93.870.000				
			6799	Chi phí thuê mướn khác	36.600.000	36.600.000				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	90.157.000	90.157.000				
			6907	Nhà cửa	13.795.000	13.795.000				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	25.700.000	25.700.000				
			6921	Đường điện, cấp thoát nước	48.842.000	48.842.000				
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	1.820.000	1.820.000				
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	21.000.000	21.000.000				
			6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	21.000.000	21.000.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	332.556.000	332.556.000				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	15.954.000	15.954.000				
			7049	Chi khác	316.602.000	316.602.000				
		7150		Chi về công tác người có công với cách mạng	16.200.000	16.200.000				
			7165	Trợ cấp ưu đãi học tập	16.200.000	16.200.000				
		7750		Chi khác	106.810.000	106.810.000				
			7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	12.000.000	12.000.000				
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	20.050.000	20.050.000				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Sơn

Mã ĐVQHNS: 1130408

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			7799	Chi các khoản khác	74.760.000	74.760.000				
				Tổng cộng	6.534.772.551	6.534.772.551				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)



Hoàng Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ và tên)



Hoàng Thị Thu

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Chung